TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRI TÔN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25-6-2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN-TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Lưu Thị Hừng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vanh Si Tha

2. Ông Hồ Văn Dũng

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Thuý Duy là Thư ký Toà án nhân dân huyện Tri Tôn.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn***: Ông Chau Pho Ly, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 158/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2025, về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2025 và Quyết đinh hoãn phiên toà số 96/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ A, khóm V, thị trấn V, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt);

2. Bị đơn: Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ A, khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn ly hôn ngày 10/4/2025, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị Mỹ T trình bày:

Giữa bà T và ông T1 có thời gian quen biết tự nguyện tìm hiểu nhau trước từ năm 1999 đến năm 2000 tổ chức lễ về chung sống, đến ngày 16/8/2004 tiến hành đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do tính tình không phù hợp, không có tiếng nói chung, đôi bên đã ly thân từ năm 2006 đến nay chưa về chung sống lại, tình cảm không còn bà T khởi kiện ly hôn với ông T1.

Về con chung có 01 con chung tên Nguyễn Thanh T2, sinh năm 2002 đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung tự thoả thuận không yêu cầu giải quyết;

Về nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Nguyễn Thanh T1 vắng mặt trong suốt quá trình tiến hành tố tụng không ghi nhận được ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn phát biểu ý kiến:

Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ và chấp hành đúng trình tự quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của bị đơn quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Giữa nguyên đơn và bị đơn chung sống có đăng ký kết hôn hợp pháp vào năm 2004, do mâu thuẫn tính tình không phù hợp, không có tiếng nói chung đôi bên đã ly thân từ năm 2006 đến nay chưa về chung sống lại, mâu thuẫn giữa bà T và ông T1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.Về con chung có 01 con chung tên Nguyễn Thanh T2, sinh năm 2002 đã trưởng, về tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 10 tháng 4 năm 2025 bà Nguyễn Thị Mỹ T có đơn yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thanh T1, ông T1 cư trú tại tổ A, khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang. Đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp ly hôn" vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Nguyễn Thanh T1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng triệu tập lên làm việc nhưng nhiều lần vắng mặt, không rõ lý do. Tòa án không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa xét xử lần thứ nhất vào ngày 12/6/2025 bị đơn vắng mặt Tòa án đã hoãn phiên tòa theo Quyết định hoãn phiên tòa số 96/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12/6/2025 và tống đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định, nhưng tại phiên tòa hôm nay bị đơn tiếp tục vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp: Hôn nhân giữa bà T và ông T1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện C vào năm 2004 là quan hệ hôn nhân có giá trị pháp lý. Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2006 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, bà T và ông T1 đã ly thân từ năm 2006 đến nay chưa về chung sống lại.

Hội đồng xét xử nhận thấy, hôn nhân giữa bà T và ông T1 được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Do mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng không thể hàn gắn được, bà T yêu cầu được ly hôn với ông T1. Xét thấy, mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng giữa bà T và ông T1 đã trầm trọng đến mức ly thân từ năm 2006 đến nay chưa về chung sống lại bà T và ông T1 bỏ mặc nhau tự sống, không còn sự yêu thương, chia sẻ quan tâm, chăm sóc lẫn nhau hôn nhân không thể hàn gắn được, điều này phù hợp với kết quả biên bản xác minh ngày 27/5/2025.

Tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông T1 có kéo dài cũng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không thể đạt được, bà T yêu cầu ly hôn, ông T1 lại liên tục vắng mặt các phiên hòa giải, xét xử của Tòa án, không tạo cơ hội để hòa giải với bà T tìm cách duy trì, hàn gắn lại tình cảm hôn nhân. Từ đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của bà T được ly hôn với ông T1 là có căn cứ.

[3] Về con chung: Bà T và ông T1 có 01 con chung tên Nguyễn Thanh T2, đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Mỹ T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo mức án phí không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Mỹ T. Bà Nguyễn Thị Mỹ T được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T1.

Giấy chứng nhận kết hôn số 31 ngày 16/08/2004 của Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

Về án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Mỹ T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0020097 ngày 23-4-2025 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Tri Tôn. Bà Nguyễn Thị Mỹ T đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Trường hợp vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tri Tôn;
- THADS huyện Tri Tôn;
- UBND thị trấn Vĩnh Bình
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Hừng